

Chiêm Hoá, ngày 30 tháng 11 năm 2020

Số 17*
- KH/HU

KẾ HOẠCH
Phát triển đảng viên giai đoạn năm 2021 - 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Chiêm Hoá lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Thường vụ Huyện uỷ Chiêm Hoá xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên giai đoạn năm 2021-2025 như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1- Mục đích

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh.

- Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh toàn diện và tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy cơ sở xã, thị trấn đối với chi bộ thôn, tổ dân phố và các trường học trên địa bàn huyện, đặc biệt là chi bộ thôn, tổ dân phố có số lượng đảng viên ít.

2- Yêu cầu

- Phát triển đảng viên phải coi trọng chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện; phải gắn với việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên của Đảng bộ huyện và các chi, đảng bộ cơ sở.

- Phải thực hiện đúng quy trình, thủ tục, nguyên tắc theo Quy định của Điều lệ Đảng; Quy định số 29-QĐ/TW, ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Hướng dẫn số 01-HD/TW, ngày 20/9/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy về phát triển đảng viên.

II- MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1- Mục tiêu

- Phân đấu hằng năm kết nạp từ 200 đảng viên;
- Phân đấu 100% chi bộ thôn, tổ dân phố, trường học trực thuộc đảng ủy xã, thị trấn có từ 9 đảng viên trở lên.

2- Đối tượng

- Quần chúng ưu tú là đoàn viên, hội viên đang sinh hoạt ở trong các tổ chức chính trị - xã hội như: Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh; Công đoàn cơ sở ...

- Quần chúng ưu tú ở các thôn, trường học, tổ dân phố có chi bộ dưới 9 đảng viên; chi bộ có tuổi đời bình quân của đảng viên cao; chi bộ nhiều năm liền không kết nạp được đảng viên... Chú trọng bồi dưỡng các đối tượng quần chúng là dân

quân, lực lượng dự bị động viên, quân nhân (bộ đội) xuất ngũ về địa phương, trưởng thôn, phó thôn, công an viên, trưởng, phó các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố; giáo viên, viên chức ở các Trường học và các Trạm y tế xã; quần chúng ưu tú ở các xã, thôn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người; trong các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước.

3- Nhiệm vụ và giải pháp

3.1- Nhiệm vụ

a)- Đối với đảng bộ các xã, thị trấn

- Xây dựng chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của ban chấp hành đảng bộ cơ sở thực hiện mục tiêu nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXII và đại hội đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 về kết nạp đảng viên.

- Tập trung chỉ đạo phát triển đảng viên đối với các chi bộ thôn, trường học dưới 9 đảng viên; chi bộ 3 năm trở lên không kết nạp được đảng viên. Phấn đấu đến năm 2025 100% chi bộ thôn, tổ dân phố, trường học trực thuộc đảng ủy xã, thị trấn có từ 9 đảng viên trở lên và có chi ủy.

b- Đối với các chi, đảng bộ cơ sở khác

Căn cứ tình hình thực tế của chi bộ, đảng bộ cơ sở để xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên; chú trọng nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên một cách toàn diện, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với các hoạt động của cơ quan, đơn vị.

- Phân công cấp ủy viên, đảng viên phụ trách các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong cơ quan, đơn vị để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển đảng viên; thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú (đoàn viên, hội viên) cho chi bộ xem xét, bồi dưỡng kết nạp Đảng.

3.2- Giải pháp

- Hằng năm, chỉ đạo rà soát, thống kê nguồn quần chúng có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng; số quần chúng ưu tú đã được cử đi học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng trong Đảng bộ; xây dựng kế hoạch cụ thể, chỉ đạo, hướng dẫn chi bộ trực thuộc và từng tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ cơ sở đến chi hội thực hiện quy trình bồi dưỡng, kết nạp Đảng đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

- Tăng cường công tác tuyên truyền Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác phát triển đảng viên. Thông qua các phong trào thi đua, phát hiện, bồi dưỡng và giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng.

- Thường xuyên chăm lo củng cố, kiện toàn, nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của chi bộ, xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh; tăng cường công tác lãnh đạo xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh, gắn với việc tạo nguồn, bồi dưỡng quần chúng ưu tú giới thiệu cho Đảng.

- Phân công cấp ủy viên phụ trách thôn, tổ dân phố, trường học để trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo chi bộ và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện công tác phát

triển đảng viên; thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và đánh giá tiến độ thực hiện công tác phát triển đảng viên đối với từng tổ chức.

- Phân công đồng chí bí thư, phó bí thư đảng ủy, ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực tiếp phụ trách các chi bộ dưới 09 đảng viên, chi bộ nhiều năm liền không phát triển được đảng viên.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, quy trình tạo nguồn, trình tự, thủ tục, và hồ sơ ... về kết nạp đảng viên cho cấp ủy cơ sở và bí thư, phó bí thư, chi ủy viên các chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

Đổi mới nội dung, phương pháp mở các lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng, bồi dưỡng nhận thức cho đảng viên mới; cải tiến phương pháp giảng dạy đảm bảo chất lượng, hiệu quả, sát thực tế.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, UBKT cấp ủy huyện và cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển đảng viên của các tổ chức cơ sở đảng và chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các chi, đảng bộ cơ sở quán triệt đầy đủ kế hoạch này đến cấp ủy, chi bộ, đảng viên; xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên của đảng bộ, chi bộ cấp mình; phân công cấp ủy viên, đảng viên phụ trách, tổ chức thực hiện công tác phát triển đảng viên.

2- Hằng tháng, quý, 6 tháng, một năm chi bộ, đảng ủy phải kiểm điểm đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch, báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ban Tổ chức Huyện ủy).

3- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, căn cứ kế hoạch này chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cơ sở xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, quần chúng ưu tú, giới thiệu cho Đảng.

4- Các ban đảng, Văn phòng Huyện ủy, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện; các đồng chí Huyện ủy viên phụ trách cơ sở có trách nhiệm triển khai, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy cơ sở triển khai, thực hiện.

5- Giao Ban Tổ chức Huyện ủy, chủ trì hướng dẫn cơ sở triển khai thực hiện; định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện công tác phát triển đảng viên hằng tháng, quý, 6 tháng, một năm báo cáo Ban Thường vụ Huyện ủy.

Nơi nhận:

- T.Trực Tỉnh ủy (B/C),
- BTC Tỉnh ủy,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh được phân công theo dõi đảng bộ xã, thị trấn,
- Các Ban đảng, Văn phòng Huyện ủy,
- Các đ/c Ủy viên BCH Đảng bộ huyện,
- Các đoàn thể huyện,
- Các chi, đảng bộ cơ sở,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Hà Đức Tập

**BIỂU PHÂN BỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN
CỦA ĐẢNG BỘ CÁC XÃ, THỊ TRẤN GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Kèm theo Kế hoạch số **18**-KH/HU ngày **30**/11/2020 của Ban Thường vụ Huyện uỷ)

Số TT	Đảng bộ xã, thị trấn	Phân bố chỉ tiêu phát triển đảng viên nhiệm kỳ 2021-2025									
		Thực trạng và chỉ tiêu chung					Chỉ tiêu trong năm				
		Số chi bộ trực thuộc	Tổng số đảng viên	Đảng viên chính thức	Chỉ tiêu kết nạp trong nhiệm kỳ	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
1	Hoà Phú	19	337	325	44	10	10	10	8	6	
2	Yên Nguyên	22	404	400	45	10	10	10	8	7	
3	Phúc Thịnh	17	313	309	40	10	9	8	7	6	
4	Tân Thịnh	15	286	278	45	10	10	10	8	7	
5	Tân An	16	284	281	35	9	8	7	6	5	
6	Hà Lang	14	247	242	30	7	7	6	5	5	
7	Trung Hà	25	357	337	50	12	12	10	9	7	
8	Trung Hoà	15	219	211	35	9	8	7	6	5	
9	Hoà An	17	323	314	40	10	9	8	7	6	
10	Nhân Lý	14	210	205	30	8	7	6	5	4	
11	Vinh Quang	21	288	282	45	10	10	10	8	7	
12	Kim Bình	15	257	245	35	9	8	7	6	5	
13	Bình Nhân	10	161	161	25	6	5	5	5	4	
14	Linh Phú	13	191	186	30	7	7	6	5	5	
15	Tri Phú	18	229	214	38	9	9	7	7	6	
16	Ngọc Hội	19	281	277	45	10	10	10	8	7	
17	Phú Bình	15	255	249	35	9	8	7	6	5	
18	Bình Phú	10	171	168	25	6	5	5	5	4	
19	Kiên Đài	15	205	190	35	9	8	7	6	5	
20	Yên Lập	24	318	314	48	12	11	10	8	7	
21	Xuân Quang	16	287	276	35	9	8	7	6	5	
22	Hùng Mỹ	17	310	291	40	10	9	8	7	6	
23	Tân Mỹ	23	365	349	45	10	10	10	8	7	
24	Phúc Sơn	20	383	374	45	10	10	10	8	7	
25	Minh Quang	20	388	376	45	10	10	10	8	7	
26	TT Vĩnh Lộc	16	644	638	35	9	8	7	6	5	
Cộng		446	7,713	7,492	1000	240	226	208	176	150	